

Số: 2510/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 05 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1944/TTr-SGTVT ngày 30/10/2018 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Website tỉnh, Website VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP11.

CHỦ TỊCH

***Phạm Đình Nghị**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2570/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH CHUẨN HÓA

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực đường bộ				
1	Đăng ký khai thác tuyến	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải
2	Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư 92/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải

3	Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	<p>Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc.</p> <p>Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường bộ 2008; - Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải.
4	Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	<p>Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc.</p> <p>Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	
5	Cấp phù hiệu xe nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc; - Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải.

6	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ	<p>Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc.</p> <p>Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải.
7	Cấp phù hiệu xe trung chuyển	<p>Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc.</p> <p>Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải;
8	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển	<p>Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc.</p> <p>Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

9	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải.
10	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải.
11	Cấp giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ GTVT
12	Gia hạn giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định		Không	
13	Gia hạn giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ GTVT
14	Cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định		Không	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ GT VT

15	Cấp lại giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị huỷ, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy phép	Trường hợp giấy phép bị huỷ, hết hạn hoặc có sự thay đổi nội dung của giấy phép: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định; Trường hợp giấy phép bị mất: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông Vận tải
16	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải
17	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông Vận tải
18	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải.
19	Cấp lại giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định			Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải
20	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định			Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải

21	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định			Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải
22	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định		Không	Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải
23	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải		- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải.
24	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện Lào và Campuchia	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định		Không	
25	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
26	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị (03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị nếu Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

27	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	135.000đ/G PLX	- Luật Giao thông đường bộ 2008; - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông VT; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính
28	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	135.000đ/G PLX	- Luật Giao thông đường bộ 2008; - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông Vận tải; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
29	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	05 ngày làm việc tính từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ		135.000đ/G PLX	
30	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định		135.000đ/G PLX	
31	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	- 05 ngày làm việc tính từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng, kể từ ngày hết hạn; - 10 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả sát hạch đối với các trường hợp quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, kể từ ngày hết hạn.	135.000đ/G PLX		
32	Cấp lại Giấy phép lái xe	- Sau 02 tháng kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp GPLX được cấp lại; - 10 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả sát hạch đối với các trường hợp phải sát hạch lại.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	135.000đ/G PLX	

33	Cấp mới Giấy phép lái xe	10 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả sát hạch	Các cơ sở đào tạo	135.000đ/G PLX	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông Vận tải.
34	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	200.000 đồng	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
35	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	Sau 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (nếu không có tranh chấp)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Cấp đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/ phương tiện; Cấp đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/ phương tiện	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
36	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định		70.000 đồng/lần/ph ương tiện	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT

					ngày 05/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
37	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	50.000 đồng/lần/phương tiện	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
38	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định		200.000 đồng	
39	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định		70.000 đồng/lần/phương tiện	
40	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Cấp đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/ phương tiện; Cấp đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/ phương tiện	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải.

41	Xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải
42	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không	- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải.
43	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định hoặc không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo kết quả khảo sát hoặc báo cáo kết quả hoàn thành gia cường đường bộ của tổ chức tư vấn đủ điều kiện hành nghề bảo đảm cho xe lưu hành an toàn.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư 46/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải
44	Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quốc lộ đang khai thác	5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn gia hạn theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải		
45	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	Không quá 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định		Không	- Nghị định 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định 100/2013/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư 35/2017/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải.
46	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	Trong 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định			

47	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	Không quá 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định 100/2013/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư 35/2017/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải.
48	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác	Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ; - Quyết định 60/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ - Thông tư 35/2017/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải.
49	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ	Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
50	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ	Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật 23/2008/QH12 - Nghị định 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải.
51	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý	Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			

52	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ	Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	- Luật 23/2008/QH12 - Nghị định 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải.
53	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
54	Đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trường Trung cấp Giao thông vận tải Nam Định	Không	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; - Thông tư 06/2011/TT-BGTVT ngày 07/3/2011 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Liên Bộ Tài chính, Giao thông vận tải.
55	Cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	05 ngày làm việc kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra	Trường Trung cấp Giao thông vận tải Nam Định	200.000đ/1 lần cấp	- Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; - Thông tư 06/2011/TT-BGTVT ngày 07/3/2011 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Liên Bộ Tài chính, Giao thông vận tải.
56	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô	Sở Giao thông vận tải thẩm định và ra quyết định phê duyệt sau 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Luật 23/2008/QH12 Thông tư 22/2014/TT-BGTVT

57	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô	Sở Giao thông vận tải thẩm định và ra quyết định phê duyệt sau 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Luật 23/2008/QH12 Thông tư 22/2014/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải
58	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô	Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.
59	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	Trong thời gian không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cấp lại theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.
60	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cấp lại theo quy định.			
61	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải.
62	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

63	Cấp Giấy phép xe tập lái	Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.
64	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
II Lĩnh vực đường thủy nội địa					
1	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Các cơ sở đào tạo - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	50.000 đồng	- Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014; - Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017.
2	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	100.000 đồng	- Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
3	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		100.000 đồng	- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.

4	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	<p>- Đối với bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương: 05 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với bến thủy nội địa khác: sau khi có ý kiến bằng văn bản của Chi Cục Đường thủy nội địa hoặc Cảng vụ Hàng hải khu vực hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã)</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	<p>- Luật Giao thông đường thủy nội địa;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;</p> <p>- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014.</p>
5	Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông	<p>- 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến Cảng vụ Hàng hải liên quan trong trường hợp phương tiện hành trình qua vùng nước hàng hải, ý kiến của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực trong trường hợp phương tiện hành trình trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia liên quan;</p> <p>- 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được ý kiến của Cảng vụ Hàng hải hoặc Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	<p>- Luật Giao thông đường thủy nội địa;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;</p> <p>- Nghị định số 110/2014/-NĐ-CP ngày 20/11/2014;</p> <p>- Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014.</p>

		hành khách ngang sông. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.			
6	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	- Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014.
7	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		70.000 đồng	
8	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		70.000 đồng	
9	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	70.000 đồng	- Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.
10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		70.000 đồng	
11	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		70.000 đồng	

12	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	70.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016.
13	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định		70.000 đồng	
14	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định		70.000 đồng	
15	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa (không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014.
16	Công bố lại cảng thủy nội địa (không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
17	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa (không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
18	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được ý kiến của Cảng vụ Hàng hải hoặc Chi cục Đường thủy nội địa khu vực	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Nghị định số 110/2014/-NĐ-CP ngày 20/11/2014; - Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014.

19	Chấp thuận đơn vị tư vấn giám sát dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa	Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn giám sát	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Luật 23/2004/QH11 Luật 48/2014/QH13 Thông tư 69/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải
20	Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với các công trình thi công liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư 15/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải
21	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương	Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư 15/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải
22	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương	Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư 15/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải

23	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sờ Giao thông vận tải	Không	Thông tư 15/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải
24	Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sờ Giao thông vận tải	Không	Thông tư 19/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải
25	Thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.			
26	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Chậm nhất 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sờ Giao thông vận tải	Không	Thông tư 15/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải
27	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	Không quy định			
28	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sờ Giao thông vận tải	Không	Luật 23/2004/QH11 Luật 48/2014/QH13 Nghị định 110/2014/NĐ-CP của CP Nghị định 24/2015/NĐ-CP của CP Thông tư 61/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải

29	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Luật 23/2004/QH11 Thông tư 17/2013/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải
30	Đề xuất thực hiện Dự án nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa (đối với dự án ngoài danh mục dự án đã công bố)	Chậm nhất 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải có văn bản báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét về đề xuất thực hiện dự án của nhà đầu tư.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Luật 23/2004/QH11 Luật 48/2014/QH13 Thông tư 69/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải
31	Chấp thuận chủ trương nhà đầu tư thực hiện dự án nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa (đối với dự án trong danh mục dự án đã công bố)	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Luật 23/2004/QH11 Luật 48/2014/QH13 Thông tư 69/2015/TT-BGTVT của Bộ giao thông vận tải
32	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	- Luật 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 Luật giao thông đường thủy nội địa - Luật 48/2014/QH13 ngày 17/6/2014 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của giao thông đường thủy nội địa - Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải.

33	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình đảm bảo an ninh quốc phòng trên tuyến đường thủy nội địa địa phương	Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	- Luật 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 Luật giao thông đường thủy nội địa - Luật 48/2014/QH13 ngày 17/6/2014 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của giao thông đường thủy nội địa - Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải.
34	Phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa	Chậm nhất là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa - Sở Giao thông vận tải Nam Định	Không	- Luật 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 Luật giao thông đường thủy nội địa - Luật 48/2014/QH13 ngày 17/6/2014 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của giao thông đường thủy nội địa - Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải
35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ
36	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo: trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ

37	<p>Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải</p>	<p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p>	<p>Các cơ sở đào tạo</p>	<p>- Phí sát hạch và thi cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba: 190.000 đồng. - Phí sát hạch và thi cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng Tư: 150.000 đồng - Phí sát hạch và thi cấp GCNKNCM máy trưởng tư: 140.000 đồng. - Lệ phí cấp bằng: 50.000 đồng</p>	<p>- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật Giao thông đường thủy nội địa sửa đổi năm 2014; - Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BGTVT. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>
III	Lĩnh vực đăng kiểm				
1	<p>Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo</p>	<p>03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu đạt yêu cầu.</p>	<p>Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông Nam Định</p>	<p>50.000 đồng/01 GCN 100.000 đồng/01 GCN đối với ô tô con dưới 10 chỗ</p>	<p>Thông tư 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016</p>

2	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	01 ngày làm việc đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc dưới 70 km sau khi kiểm tra tại hiện trường đạt yêu cầu hoặc 02 ngày làm việc đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo sau khi kiểm tra tại hiện trường đạt yêu cầu	Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông Nam Định	50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/09/2015 - Thông tư 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 - Thông tư 15/2013/TT-BGTVT ngày 26/07/2013 - Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
3	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Trong ngày làm việc	Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông Nam Định	50.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 - Thông tư 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 - Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
4	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng	Nếu kết quả đạt thì cấp Giấy chứng nhận theo quy định trong thời hạn 01 ngày làm việc khi kiểm tra tại Đơn vị kiểm tra hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc khi kiểm tra ngoài Đơn vị kiểm tra, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông Nam Định	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 239/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 - Thông tư 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 - Thông tư 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Giao thông Đường bộ	
1	Thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp.
2	Thủ tục cấp giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3
3	Thủ tục cấp lại giấy phép lái xe do mất.
4	Thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp
5	Thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam
6	Thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài
7	Thủ tục đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp
8	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3
9	Thủ tục cấp mới đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu.
10	Thủ tục cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.
11	Thủ tục cấp đăng ký tạm thời cho xe máy chuyên dùng
12	Thủ tục sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
13	Thủ tục đăng ký sang tên chủ sở hữu tại Sở GTVT nơi xe máy chuyên dùng chuyển đến

14	Thủ tục đăng ký xe máy chuyên dùng tại Sở GTVT tại nơi xe máy chuyên dùng chuyển đến không thay đổi tên chủ sở hữu
15	Thủ tục cấp đăng ký có thời hạn cho xe máy chuyên dùng
16	Thủ tục đổi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.
17	Thủ tục di chuyển đăng ký tại Sở GTVT nơi xe máy chuyên dùng chuyển đi
18	Thủ tục di chuyển xe máy chuyên dùng không thay tên chủ sở hữu
19	Thủ tục xoá đăng ký xe máy chuyên dùng
20	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định (trường hợp cả hai đầu tuyến chỉ có 01 doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến và giờ xe chạy)
21	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định (trường hợp cả hai đầu tuyến có 02 doanh nghiệp, hợp tác xã trở lên đăng ký khai thác trùng tuyến và giờ xe chạy)
22	Thủ tục cấp phù hiệu xe đầu kéo
23	Thủ tục cấp lại phù hiệu xe đầu kéo
24	Thủ tục cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch
25	Thủ tục cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch
26	Thủ tục cấp phù hiệu xe nội bộ

27	Thủ tục cấp lại phù hiệu xe nội bộ
28	Thủ tục cấp phù hiệu xe trung chuyển
29	Thủ tục cấp lại phù hiệu xe trung chuyển
30	Thủ tục công bố đưa bến xe hàng vào khai thác
31	Thủ tục xác nhận đăng ký biểu trưng (logo) của xe taxi
32	Thủ tục xác nhận đăng ký màu sơn của xe buýt
33	Thủ tục công bố đưa trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường (trừ trạm dừng nghỉ trên quốc lộ) thuộc địa phương vào khai thác
34	Thủ tục cấp giấy phép liên vận Việt - Lào đối với phương tiện vận tải phi thương mại
35	Thủ tục cấp giấy phép liên vận Việt - Lào đối với phương tiện vận tải thương mại
36	Thủ tục gia hạn giấy phép liên vận và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào
37	Thủ tục gia hạn giấy phép liên vận Campuchia-Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam
38	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
39	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh đối với trường hợp giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất, hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy phép
40	Thủ tục công bố lần đầu đưa bến xe khách vào khai thác
41	Thủ tục công bố lại bến xe khách
42	Thủ tục ký xác nhận vào đơn xin tạm dừng lưu hành

43	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận giáo viên thực hành lái xe
44	Thủ tục cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô
45	Thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô
46	Thủ tục cấp giấy chứng nhận giáo viên thực hành lái xe.
47	Thủ tục cấp giấy phép xe tập lái.
48	Thủ tục thẩm định thiết kế - dự toán xây dựng công trình giao thông thuộc dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước
49	Thủ tục thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình giao thông thuộc dự án sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách
50	Thủ tục thẩm định thiết kế - dự toán xây dựng công trình giao thông thuộc dự án sử dụng vốn khác (không thuộc vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách)
51	Thủ tục thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông sử dụng vốn ngân sách Nhà nước quy mô từ nhóm B trở xuống
52	Thủ tục thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, sử dụng vốn khác có yêu cầu
53	Thủ tục cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy các sản phẩm trong ngành GTVT
54	Thủ tục cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo xe cơ giới đường bộ
55	Thủ tục cấp giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ.
56	Thủ tục cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

57	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ và tỉnh lộ đang khai thác thuộc Sở Giao thông vận tải Nam Định quản lý theo phân cấp
58	Thủ tục xin chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ và tỉnh lộ đang khai thác thuộc Sở Giao thông vận tải Nam Định quản lý theo phân cấp
59	Thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ và tỉnh lộ thuộc Sở Giao thông vận tải Nam Định quản lý theo phân cấp
60	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với quốc lộ và tỉnh lộ đang khai thác thuộc Sở Giao thông vận tải Nam Định quản lý theo phân cấp
61	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ và tỉnh lộ đang khai thác thuộc Sở Giao thông vận tải Nam Định quản lý theo phân cấp
62	Thủ tục xin chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ và tỉnh lộ đang khai thác thuộc Sở Giao thông vận tải Nam Định quản lý theo phân cấp
63	Thủ tục chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ và tỉnh lộ thuộc Sở Giao thông vận tải Nam Định quản lý theo phân cấp
64	Thủ tục cấp chứng chỉ sơ cấp nghề hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp lái xe các hạng: B1; B2; C
65	Thủ tục cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp đối với nâng hạng: Hạng B1 lên hạng B2; Hạng B2 lên hạng C; Hạng C lên hạng D; Hạng C lên hạng E; Hạng D lên hạng E; Hạng B2, C, D, E lên hạng F; Hạng B2 lên hạng D; Hạng C lên hạng E.
66	Thủ tục đào tạo và tổ chức thi sát hạch lái xe mô tô hạng A1
67	Thủ tục đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ bị hỏng, bị mất
68	Thủ tục cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham

	gia giao thông đường bộ
69	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
70	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cải tạo xe cơ giới
II. Lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa	
1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ nghiệp vụ.
2	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư chứng chỉ nghiệp vụ.
3	Thủ tục dự học, thi cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM) thuyền trưởng hạng ba, thuyền trưởng hạng tư, máy trưởng hạng ba.
4	Thủ tục đăng ký lại phương tiện (trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa)
5	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
6	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông
7	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, bến khách ngang sông
8	Thủ tục cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa
9	Thủ tục cấp đổi, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa
10	Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu chưa khai thác

11	Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đang khai thác
12	Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
13	Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa do chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
14	Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa do chuyển quyền sở hữu phương tiện và thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
15	Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa do chủ phương tiện thay đổi trụ sở, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú
16	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa
17	Thủ tục xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa
18	Thủ tục chấp thuận vận tải khách ngang sông